TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN ĐỒ SƠN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HS-ST
Ngày 18-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Khắc Quyết

Ông Trần Thế Sự

- Thư ký phiên toà: Ông Vũ Trọng Đạt - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 01 năm 2019 và Thông báo về việc thay đổi lịch xét xử số 01/2019/TB-TA ngày 10 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Đinh Xuân Tr, sinh ngày 04 tháng 3 năm 1999 tại thành phố Hải Phòng. Nơi cư trú: Tổ A, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân Th và bà Phùng Thị H; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 19-7-2018, đến ngày 25-7-2018 chuyển tạm giam; có mặt.

Người làm chứng:

1. A Nguyễn Minh T;

2. A Trần Quốc Đ;

3. A Lê Đức N;

4. A Vũ Việt A;

5. A Lưu Đình C;

6. Chị Nguyễn Thị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Xuân Tr, Vũ Văn D, đều sinh năm 1999, cùng địa chỉ: Tổ B, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng và Nguyễn Minh T, sinh năm 1999, địa chỉ: Tổ C, phường V, quận Đ, thành phố Hải Phòng là bạn thân với nhau. Khoảng tháng 7-2016, T biết nhà của bố mẹ T để lại ở đường N, phường V, quận Đ hiện đang khóa cửa, không có người ở, chìa khóa nhà do bà nội của T đang giữ nên T đã nhờ D tìm người phá khóa cửa để lấy chỗ cho T, Tr và D ăn nghỉ. Đến khoảng tháng 8-2016, Tr nảy sinh ý định bán ma túy đá để lấy tiền ăn tiêu nên đã một mình đi lên khu vực đường tàu Mê Linh, Quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng mua ma túy đá của những người đàn ông không quen biết, mỗi lần mua hết 1.000.000 đồng. Số ma túy này Tr chia làm nhiều gói nhỏ, cất giấu trong ví của Tr để tiện sử dụng và bán cho người có nhu cầu. Sau đó, Tr nói với D nếu có người có nhu cầu mua ma túy thì bảo Tr để Tr bán. Vì chơi thân với nhau và đã nhiều lần được sử dụng ma túy đá cùng Tr không phải trả tiền nên D đồng ý.

Khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 11-10-2016, D đang chơi điện tử ở quán internet Khủng Long tại phường Vạn Sơn, quận Đồ Sơn thì T đi xe đạp điện đến đón về nhà D. Khi cả hai đang đi thì Tr gọi điện thoại bảo đến nhà Tr. Tr đưa cho D 01 túi nilon đựng ma túy đá và bảo mang ra Cống Họng đưa cho Trần Quốc Đ, sinh năm 1988, địa chỉ: Tổ E, phường V, quận Đ rồi lấy 500.000 đồng. D cầm điện thoại di động của T, điều khiển xe đạp điện của Tr ra Cống Họng gọi điện cho Đ để đưa ma túy. Khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực Cống Họng, phường Vạn Hương, khi xe của D cách xe của Đ khoảng 01m thì Công an quận Đồ Sơn phát hiện, bắt quả tang và thu giữ của D 01 túi nilon nhỏ đựng tinh thể rắn màu trắng nghi là ma túy đá, 01 xe máy điện nhãn hiệu DIBAO BKS 15MĐ4-04019 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh dương. D khai số ma túy đá bị thu giữ là của Tr đưa cho để mang bán cho Đ. Tr thấy D bị Công an bắt giữ, sợ bị phát hiện nên đã bỏ trốn.

Tại Kết luận giám định số 119 ngày 14-10-2016, Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng kết luận: Khối lượng chất Methamphetamine có trong 0,27gam tinh thể (thu được của D) gửi giám định là 0,189 gam.

Với tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra - Công an quận Đồ Sơn đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với D và Tr cùng về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Tr bỏ trốn nên Cơ quan điều tra quyết định truy nã. Ngày 26-4-2017, Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn đã đưa ra xét xử và tuyên phạt D 04 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Ngày 19-7-2018, Tr đến Công an quận Đồ Sơn đầu thú. Tại Cơ quan điều tra, Tr khai nhận: Ngoài lần giúp Tr bán ma túy cho D bị bắt quả tang như nêu trên, D còn 02 lần giúp Tr bán ma túy, cụ thể:

Lần 1: Vào khoảng đầu tháng 9-2016, Tr đang ở nhà thì nhận được điện thoại của Lưu Đình C, sinh năm 1997, địa chỉ: Tổ A, phường V, quận Đ hỏi mua ma túy thì Tr có nói "*em có nhưng anh làm việc với thằng D*". Đồng thời, Tr cho C số điện thoại của D. Sau đó, Tr chở D đến đoạn ngõ đi vào Trung tâm Bồi dưỡng chính trị quận Đồ Sơn và nói với D "*cầm lấy tí đưa cho anh C rồi lấy 200.000 đồng*". Tr để D ở lại đưa ma túy cho C còn Tr đi chơi. Đến tối cùng ngày, D đưa lại cho Tr 200.000 đồng tiền bán ma túy cho C.

Lần 2: Vào khoảng ngày 05-10-2016, D gọi điện cho Tr nói có người hỏi mua 300.000 đồng ma túy, Tr đồng ý. Sau đó, Tr đến nhà D và đưa cho D 01 túi nilon nhỏ đựng ma túy đá rồi chở D đến đoạn ngõ đi vào Trung tâm Bồi dưỡng chính trị quận Đồ Sơn, để D ở đó chờ người mua ma túy còn Tr đi chơi. D đã bán ma túy lấy 300.000 đồng và đưa tiền lại cho Tr.

Ngoài 03 lần D bán ma túy cho Tr nêu trên, Tr còn 02 lần trực tiếp bán ma túy, cụ thể:

Lần 01: Khoảng giữa tháng 8-2016, Tr đang ở nhà T thì C gọi điện thoại cho Tr hỏi mua 200.000 đồng ma túy, Tr đồng ý. Sau đó, C đi đến nhà T để gặp Tr, Tr lấy 01 túi ma túy đá cất trong ví đưa cho C thì C nói "*lúc khác anh trả tiền*", rồi C sử dụng ma túy ngay tại nhà T.

Lần 2: Khoảng 18 giờ 15 phút, ngày 11-10-2016, Tr đang ở nhà T thì C nhắn tin điện thoại cho Tr với nội dung "*em còn tý đồ nào không cho anh xin một ít*", Tr hiểu là C hỏi ma túy nên nhắn lại "*ok anh*". Khoảng 10 phút sau, C đến nhà T để gặp Tr, Tr đưa 01 túi ma túy đá cho C thì C đưa cho Tr 150.000 đồng.

Cơ quan điều tra còn thu giữ của T 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 1202 màu trắng, thu giữ của C số tiền C mua chịu ma túy của Tr chưa trả là 200.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 02/CT - VKS ngày 28-12-2018 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố Tr về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố. Bị cáo thừa nhận khối lượng và loại ma túy đúng như Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng, vật chứng của vụ án bị Cơ quan điều tra thu giữ và đúng như Cáo trạng đã nêu; việc bị điều tra, truy tố, xét xử là không oan sai, không bị ép buộc khai báo không đúng sự thật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Tr đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận đã nhiều lần thực hiện hành vi mua ma túy về để trực tiếp bán lại và nhờ D bán lại cho người khác với mục đích thu lợi nhuận. Do đó, Viện Kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với Tr về tội Mua bán

trái phép chất ma túy. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo không có tiền án, tiền sự; sau khi bỏ trốn và có quyết định truy nã, Tr đã đầu thú. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, Điều 33, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (Nay là Điều 251, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015); khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Tr từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền vì bị cáo là người dưới 18 tuổi;

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe máy nhãn hiệu DIBAO BKS 15MĐ4-04019, 01 điện thoại NOKIA 105 màu xanh, 01 điện thoại NOKIA 1202 màu trắng và 200.000 đồng do C giao nộp; buộc bị cáo Tr phải nộp lại số tiền 650.000 đồng thu lời bất chính để nộp ngân sách nhà nước.

Về án phí, đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện Kiểm sát đã truy tố và luận tội, nhận thức được hành vi của mình là sai trái và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Đinh Xuân Tr không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Tr khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình về việc đi mua ma túy, số tiền mua ma túy, việc mang số ma túy về chia nhỏ, cất giấu với mục đích vừa dùng vừa bán lại cho người khác; việc 02 lần trực tiếp bán ma túy cho Lưu Đình C; cũng như việc nhờ D bán ma túy hộ 03 lần cho C, Trần Quốc Đ và Vũ Việt A. Lời khai của bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Thể hiện bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Theo Bản kết luận giám định số 119/KLGĐ ngày 14-10-2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hải Phòng về

chất ma túy thu giữ của Vũ Văn D mang đi bán cho Đ ngày 11-10-2016, khối lượng chất Methamphetamine có trong 0,27 gam tinh thể gửi giám định là 0,189 gam.

[3] Hành vi mua bán ma túy của Tr đã xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của Nhà nước về các chất ma tuý. Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán ma túy là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện với mục đích kiếm lợi nhuận.

[4] Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận, hành vi của bị cáo Tr đã đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy, quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Hiện nay, tình hình tội phạm ma tuý trên cả nước nói chung và trên địa bàn quận Đồ Sơn nói riêng diễn biến hết sức phức tạp. Ma túy là chất gây nghiện đặc biệt nguy hiểm, tàn phá sức khỏe của người sử dụng. Đặc biệt là Methamphetanmine, thường gọi là ma túy đá, người sử dụng dễ bị kích động, thường bị ảo giác, không kiểm soát được cảm xúc và hành vi của mình, xâm hại những người xung quanh một cách vô cớ. Do vậy, cần xử lý nghiêm bị cáo để giáo dục, cải tạo bị cáo, nâng cao hiệu quả đấu tranh đối với tội phạm ma túy nói chung trên địa bàn quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[6] Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tr đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 6 Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo mức hình phạt cao nhất không quá ba phân tư mức phạt tù được quy định tại khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[7] Sau khi D bị Cơ quan điều tra bắt quả tang, Tr đã bỏ trốn. Do vậy, cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã đối với Tr và tách vụ án ra để điều tra xử lý riêng. D đã bị Tòa án nhân dân quận Đồ sơn xử phạt 04 năm tù, theo Bản án số 05/2017/HSST ngày 26-4-2017. Đây là vụ án có đồng phạm, nhưng là đồng phạm giản đơn; Tr là người đi mua ma túy về chia nhỏ để sử dụng và bán; Tr vừa là người trực tiếp bán ma túy vừa là người nhờ D bán ma túy hộ nên vai trò của Tr trong đồng phạm cao hơn D. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt đối với Tr nghiêm khắc hơn đối với D.

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi bỏ trốn và có quyết định truy nã, bị cáo đã đầu thú; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[10] Về nhân thân: Sau khi D bị bắt, bị cáo lo sợ nên đã bỏ trốn, tại thời điểm đó bị cáo dưới 18 tuổi, chưa nhận thức hết việc mình bỏ trốn sẽ gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Bị cáo không có tiền án, tiền sự và lần đầu tiên phạm

tội nên Hội đồng xét xử cần xem xét những đặc điểm nhân thân này trong quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[11] Về hình phạt bổ sung: Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Tr chưa đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 6 Điều 91 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Về xử lý vật chứng:

[12] - Chất ma tuý sau giám định thu được của D là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành nên đã bị Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn tịch thu, tiêu hủy theo Bản án số 05/2017/HSST ngày 26-4-2017 xét xử đối với D;

[13] - 01 xe máy điện DIBAO BKS 15MĐ4-04019, 01 điện thoại NOKIA 105 màu xanh và 01 điện thoại NOKIA 1202 màu trắng là công cụ mà Tr, D, T và C dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

[14] - Số tiền 200.000 đồng mà C giao nộp và số tiền 650.000 đồng mà Tr, D thu được từ việc bán ma túy cho C và Việt A là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp vào ngân sách nhà nước, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Về các vấn đề khác:

[15] - Nguyễn Minh T là bạn chơi thân với Tr và D. Căn nhà ở đường N, phường V, quận Đ là nhà của bố mẹ T để lại và do bà nội của T quản lý sử dụng. Việc T tự ý phá khóa nhà để vào ở bà nội T không biết. T không bàn bạc và không tham gia vào việc mua bán ma túy của Tr và D nên T không là đồng phạm với Tr và D về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan điều tra không lập hồ sơ để xử lý đối với T là đúng.

[16] - Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện: T thường xuyên sử dụng ma túy cùng với Tr và D từ số ma túy do Tr mua về chia nhỏ ra để vừa sử dụng, vừa bán tại nhà ở đường N, phường V, quận Đ. Pháp luật không buộc T phải có nghĩa vụ tố giác chính mình. Vì vậy, Cơ quan điều tra lập hồ sơ xử lý T về hành vi Không tố giác tội phạm là có căn cứ.

[17] - Đối với những người bán ma túy cho bị cáo Tr tại khu vực đường tàu Mê Linh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, cơ quan điều tra không xác định được cụ thể tên, tuổi và địa chỉ. Ngoài lời khai của Tr thì không có chứng cứ nào khác về hành vi bán trái phép chất ma túy của người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở lập hồ sơ xử là có căn cứ.

[18] Về án phí: Bị cáo Tr phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 194, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 6 Điều 91 và khoản 1 Điều 101 của Bộ luật Hình sự năm 2015,

Tuyên bố: Bị cáo Đinh Xuân Tr phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt Đinh Xuân Tr 04 (*Bốn*) năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời gian tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ 19-7-2018.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (*Một*) xe máy DIBAO BKS 15MĐ4-04019, 01 (*Một*) điện thoại nhãn hiệu NOKIA 105 màu xanh và 01 (*Một*) điện thoại NOKIA 1202 màu trắng. Những vật chứng này được thể hiện tại Biên bản bàn giao đồ vật, tài sản bị tạm giữ ngày 02-01-2019, giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng do Lưu Đình C giao nộp. Số tiền này thể hiện tại Biên lai thu tiền số AA/2010/6218 ngày 02-01-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn.

Buộc bị cáo Tr phải nộp lại số tiền 650.000 (*Sáu trăm năm mươi nghìn*) đồng thu lợi bất chính để nộp ngân sách nhà nước.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Buộc bị cáo Tr phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS. Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Thi hành án hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường